TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DSST
Ngày: 26/01/2021
V/v: "*T/c hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trung Hiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thành Hưng**

Ông **Lư Thành Danh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Bảo Trân** - *Kiểm sát viên*.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐXX - ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường 30/4, phường L, quận K, thành phố T.

Bị đơn: Bà **Trần Thị S**, sinh năm 1954

Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: đường 54, KDC 586, số mới 25 đường 54, khu vực T, quận C, thành phố T.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giả quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào ngày 21/10/2016 bà có cho vợ chồng bị đơn là ông Phạm Văn K và bà Trần Thị S vay số tiền 30.000.000đ, có biên nhận kèm theo với lãi suất 3%/tháng. Ngày 22/02/2017 bà tiếp tục cho vợ chồng ông K và bà S vay số tiền 100.000.000 đồng, có viết biên nhận nợ và lãi suất 3%/tháng. Ngày 22/10/2017 ông K, bà S trả cho bà được 50.000.000 đồng, ngày 21/11/2018 trả cho bà được 11.000.000 đồng. Từ đó đến nay bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền 39.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi nhưng bị đơn không trả. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, cụ thể như sau: Đối với khoảng vay ngày 21/10/2016 bị đơn vay 30 triệu đồng, lãi suất 20%/năm tính từ 22/10/2016 đến ngày 22/8/2020 là 46 tháng. 30 triệu x 20%/năm chia 12 tháng = 500.000 đồng/tháng. Tổng lãi là 500.000 đồng/tháng x 46 tháng = 23 triệu đồng. Tổng cộng lãi và vốn gốc = 30 triệu + 23 triệu tiền lãi = 53 triệu đồng. Đối với khoảng vay ngày 22/02/2017 vay 100 triệu đồng; ngày 22/10/2017 trả cho nguyên đơn 50 triệu đồng, ngày 21/11/2018 trả thêm 11 triệu đồng. Còn thiếu 39 triệu đồng, lãi suất 20%/năm tính từ 22/01/2020 đến ngày 22/08/2020 là 8 tháng. 39 triệu đồng x 20%/năm chia 12 tháng = 650.000 đồng/tháng. Tổng lãi 650.000 đồng/ tháng x 8 tháng = 5.200.000 đồng. Tổng gốc và lãi = 39 triệu đồng + 5.200.000 đồng = 44.200.000 đồng. Ngày 22/7/2020 trừ tiền gạo 3 triệu đồng còn lại 41.200.000 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi 2 lần vay là 94.200.000 đồng.

***** *Bị đơn Phạm Văn K và Trần Thị S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Do vụ án không hòa giải được nên đưa ra xét xử.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi suất 20%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Phạm Văn K và Trần Thị S tiếp tục vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự, có đủ căn cứ đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn bà Trần Thị S và ông Phạm Văn K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ bị đơn. Kết quả xác minh ngày 11/9/2020 thì bị đơn ông Phạm Văn K và bà Trần Thị S hiện đang cư trú và đăng ký tạm trú tại số G3 – 25, KDC 586, khu vực Thạnh Thuận, phường Phú Thứ, quận C, thành phố T (Nay là G3 – 53, đường số 54, KDC 586, khu vực T, phường Phú Thứ, quận C, thành phố T) – BL17. Bị đơn – ông Phạm Văn K và bà Trần Thị S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về số nợ: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 53.000.000 đồng, lãi là 41.200.000 đồng và lãi phát sinh sau này. Căn cứ biên nhận ngày 21/10/2016 thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch vay tiền, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền là 30.000.000 đồng và giấy nợ ngày 22/02/2017 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 17/10/2017 bị đơn đã trả được 50.000.000 đồng, ngày 22/11/2018 bị đơn trả được 11.000.000 đồng, còn nợ lại 39.000.000 đồng. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo, không có thỏa thuận lãi suất và không quy định thời hạn trả nợ. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn nhiều lần hẹn mà không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các thông báo, Quyết định đối chất, Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ cho bị đơn để quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến cho thấy bị đơn không có thiện ý trả nợ và cố tính kéo dài thời gian. Từ những căn cứ trên thấy rằng yêu cầu khởi kiện đòi lại số nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về lãi suất: Trong đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất 20%/năm; đối với khoản vay ngày 21/10/2016 thì tính từ 22/10/2016

cho đến ngày 26/01/2021 là 04 năm 3 tháng 04 ngày x 1,66%/tháng x 30.000.000 đồng = 25.464.400 đồng; đối với khoản vay ngày 22/02/2017 thì tính từ ngày 22/01/2020 đến ngày 26/01/2021 là 01 năm 04 ngày x 1,66%/tháng x 39.000.000 đồng = 7.855.000 đồng. Xét, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở chấp nhận và không trái với qui định của pháp luật. Do đó, buộc bị đơn có trách nhiệm trả lãi suất cho nguyên đơn với số tiền là 33.319.400 đồng và lãi suất chậm trả theo qui định của pháp luật.

Từ những nhận định trên nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn với tổng số tiền là 99.319.400 đồng, cụ thể như sau: Đối với khoản vay ngày 21/10/2016 là 30.000.000 đồng (tiền gốc) + 25.464.400 đồng (tiền lãi đến ngày 26/01/2021) = 55.464.400 đồng, đối với khoản vay ngày 22/02/2017 là 39.000.000 đồng (tiền gốc) + 7.855.000 đồng (tiền lãi đến ngày 26/01/2021) – 3.000.000 đồng (tiền mua gạo ngày 22/7/2020) = 43.855.000 đồng. Tại giai đoạn thi hành án bị đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành khi nguyên đơn có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Xét, bị đơn thuộc diện người cao tuổi cho nên được miễn án phí theo qui định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14;

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

- Buộc bị đơn ông Phạm Văn K và bà Trần Thị S trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 99.319.400 đồng, cụ thể như sau: Đối với khoản vay ngày 21/10/2016 là 30.000.000 đồng (tiền gốc) + 25.464.400 đồng (tiền lãi đến

ngày 26/01/2021) = 55.464.400 đồng, đối với khoản vay ngày 22/02/2017 là 39.000.000 đồng (tiền gốc) + 7.855.000 đồng (tiền lãi đến ngày 26/01/2021) – 3.000.000 đồng (tiền mua gạo ngày 22/7/2020) = 43.855.000 đồng.

Giai đoạn thi hành án nếu nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành đối với số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn được miễn án phí dân sự.

- Nguyên đơn được nhận lại 2.355.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006397 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố T.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND TP. T;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q.C;
- Lưu HS.

Bùi Trung Hiến